

HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NUÔI NGAO TẠI NAM ĐỊNH

Nguyễn Xuân Thành¹, Phạm Thuộc², Trần Công Khôi³

¹Viện Tài nguyên và Môi trường Biển-Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Trung tâm tư vấn, Chuyển giao công nghệ, nguồn lợi thủy sinh và môi trường

³Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nam Định

Địa chỉ: Nguyễn Xuân Thành, Viện Tài nguyên và Môi trường Biển,
246 Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam. E-mail: thanhnx@imer.ac.vn

Ngày nhận bài: 10-8-2012

TÓM TẮT

Nam Định là tỉnh có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nghề sản xuất ngao. Trong những năm qua diện tích, sản lượng nuôi ngao tăng lên liên tục: năm 2005 là 700 ha và 13.000 tấn tăng lên 1.700 ha và 20.000 tấn năm 2011. Tuy nhiên nghề sản xuất ngao tại Nam Định còn xuất hiện một số yếu tố thiếu tính bền vững: Phát triển nuôi ngao còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch đồng bộ, khoa học công nghệ đầu tư chưa tương xứng, nuôi ngao còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn giống tự nhiên, nên chưa chủ động được con giống trong sản xuất. Quản lý nhà nước chưa thực sự hiệu quả và tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ nên tiêu thụ sản phẩm chưa có những sản phẩm có giá trị gia tăng cao và còn bấp bênh.

Trong thời gian tới để nghề sản xuất ngao phát triển ổn định, phấn đấu đến năm 2020 sản lượng ngao của tỉnh đạt 31.550 tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm, cần phải giải quyết triệt để các tồn tại nêu trên.

MỞ ĐẦU

Nam Định là một tỉnh đồng bằng ven biển, thuộc phía Nam đồng bằng châu thổ sông Hồng, có 3 cửa sông lớn là Ba Lạt, Ninh Cơ và Đáy. Hàng năm, nước sông mang theo phù sa, vật chất hữu cơ và muối khoáng với khối lượng lớn đổ ra và bồi tụ ở ven biển. Tỉnh Nam Định có một vùng triều rộng lớn, chất đáy chủ yếu cát bùn, hàm lượng muối khoáng cao, chế độ nhật triều ổn định, thời gian phơi bãi từ 5-8 giờ/ngày có điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi nhuyễn thể, nhất là phát triển nuôi ngao (ngao Bến tre - *Meretrix lyrata* và ngao dầu - *M. meretrix*). Tài liệu thống kê của tỉnh cho thấy trong những năm qua phong trào nuôi ngao phát triển mạnh chủ yếu tại một số xã cửa sông ven biển với tổng diện tích nuôi ngao toàn tỉnh trên 1.700 ha, trong đó tập trung tại Giao Thủy khoảng 1500ha và Nghĩa Hưng trên 200ha [3].

Tuy nhiên, nghề nuôi ngao ở đây còn mang tính tự phát chưa có quy hoạch tổng thể và đồng bộ; công tác quản lý bãi triều chưa thống nhất (phương thức cho thuê, hạn mức, thời hạn và mức thu sử dụng đất mặt nước); sản xuất ngao hiện nay so với tiềm năng còn ở mức khiêm tốn; nhiều hộ nuôi với mật độ dày, khi gặp điều kiện thời tiết bất lợi đã xảy ra tình trạng ngao chết hàng loạt, gây thiệt hại đến kinh tế, ảnh hưởng môi trường sinh thái vùng bãi triều ven biển; một số xã ven biển còn xảy ra tình trạng bất ổn định về xã hội ... Đó là những nguyên nhân cơ bản hạn chế khả năng phát triển nuôi ngao trong những năm qua.

Bài viết này cung cấp những thông tin khái quát về hiện trạng và bước đầu đề xuất những định hướng nuôi ngao tại Nam Định trong thời gian tới, nhằm khắc phục những tồn tại nêu trên, huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển nuôi ngao, tạo ra

sản phẩm hàng hóa phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nguồn tài liệu thu thập

Các tài liệu được thu thập từ các cơ quan quản lý nhà nước như Phòng Nuôi trồng Thủy sản (NTTS) thuộc Sở NN&PTNT, Phòng Thủy sản các huyện Giao Thủy và Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng các thông tin điều tra từ ngư dân và các thông tin báo đài, mạng internet.

Phương pháp tiến hành

Phương pháp gián tiếp: Tập hợp và tham khảo các tài liệu liên quan đến nuôi ngao trong tỉnh; Thu thập các tài liệu, số liệu thông tin từ các báo cáo,

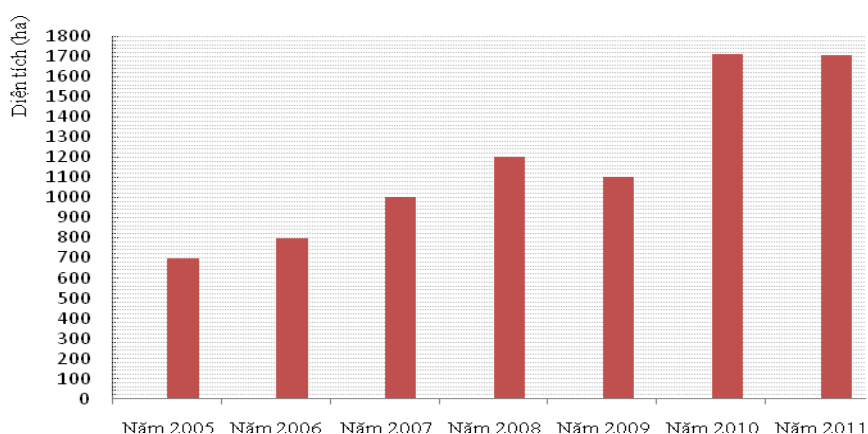
tổng hợp, thống kê và quy hoạch ... từ các cơ quan quản lý, các cơ quan nghiên cứu.

Phương pháp trực tiếp: Cử cán bộ nghiên cứu trực tiếp đến các huyện, xã, các vùng nuôi ... để điều tra phỏng vấn, thu thập thông tin về điều kiện tự nhiên, tiềm năng, hiện trạng nghề nuôi ngao và tham vấn ý kiến chuyên gia.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Diễn biến diện tích nuôi ngao tại Nam Định

Tổng hợp thông tin, kết quả điều tra, thu thập từ các nguồn khác nhau, kết quả đánh giá về diện tích nuôi ngao ở Nam Định trong những năm gần đây thể hiện trên hình 1.



Hình 1. Diễn biến diện tích nuôi ngao tại Nam Định (ha)

Nguồn :Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Thủy sản Nam Định [2, 3, 4, 5, 6, 7, 8]

Diện tích nuôi ngao tại Nam Định phát triển nhanh trong những năm gần đây, năm 2005 mới chỉ có khoảng 700ha, đến 2011 diện tích nuôi ngao lên đến 1.700ha, gấp 2,4 lần so với 2005. Diện tích nuôi ngao chia thành 2 khu vực chính là huyện Giao Thủy và huyện Nghĩa Hưng. Trong đó, tại Giao Thủy diện tích nuôi ngao chiếm phần lớn với 1.500ha tập trung ở các xã Giao Xuân (700ha), Giao Lạc (450ha), Giao Hải (200ha) và Giao Long (150ha). Các xã Giao An, thị trấn Quất Lâm có diện tích nuôi nhỏ, chỉ khoảng vài chục ha. Vùng ven biển huyện Nghĩa Hưng diện tích nuôi ngao hơn 200ha, tập trung ở các xã Nghĩa Phúc, Nam Điền và Nông trường Rạng Đông. Diện tích nuôi ngao tại Nam Định ổn định trong những năm gần đây. Diện tích bãi bồi bị khai thác tối đa vào nuôi ngao với hệ

thống vây lưới dày đặc, điều này tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh, thiếu nguồn dinh dưỡng và ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

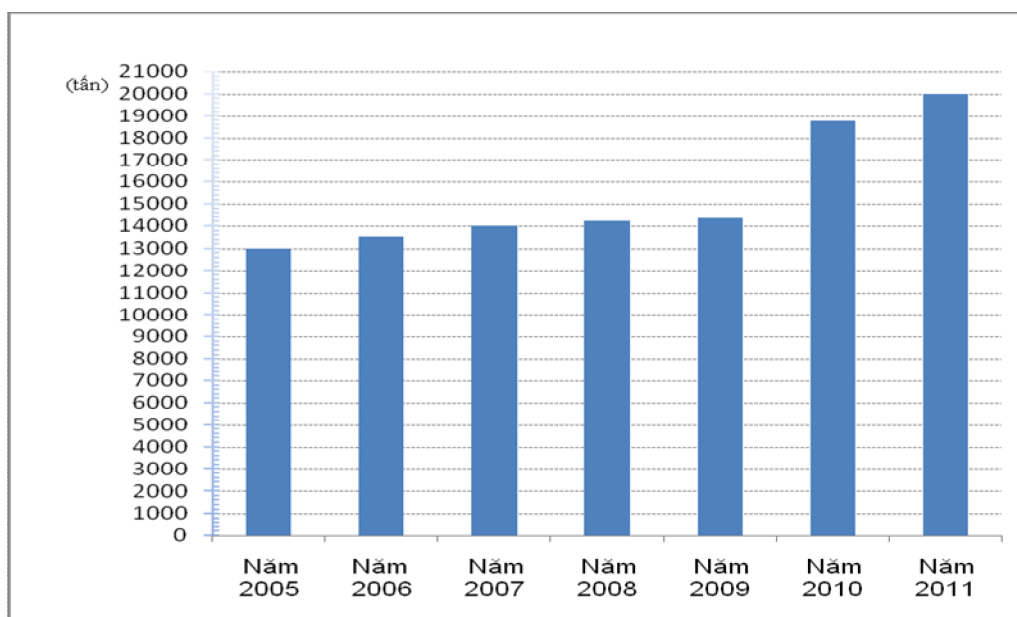
Diễn biến sản lượng nuôi ngao tại Nam Định

Sản lượng ngao nuôi tại Nam Định chiếm đến 44,3% sản lượng ngao thương phẩm của các tỉnh phía Bắc [1]. Sản phẩm ngao Nam Định trong những năm gần đây được coi là đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và có uy tín trên thị trường. Diễn biến sản lượng ngao nuôi tại Nam Định thể hiện hình 2.

Sản lượng ngao nuôi tại Nam Định tăng trong những năm gần đây, năm 2005 sản lượng đạt 13.000 tấn, đến năm 2011 đã đạt 20.000 tấn tăng 1,5 lần so với năm 2005. Sản lượng ngao nuôi tăng chậm,

trong khi diện tích nuôi ngao tăng nhanh vì thế năng suất nuôi ngao có xu hướng giảm: trong giai đoạn 2006 - 2007 đạt 19 tấn/ha, đến nay giữ ổn định 10 - 11 tấn/ha. Chủ trương chung của tỉnh là giữ vững ổn định năng suất, sản lượng để đảm bảo phát triển nuôi ngao theo hướng bền vững. UBND huyện Giao Thủy đã phê duyệt quy hoạch phát triển vùng nuôi ngao Giao Thủy; hệ thống thủy lợi phục vụ vùng

nuôi ngao được cải thiện đáng kể thông qua dự án nạo vét sông Vọp. Mô hình quản lý cộng đồng trong nuôi ngao ở Giao Thủy đã hình thành và đang vận hành tốt, mở ra hướng tích cực cho nuôi ngao bền vững. Các hộ trong mô hình đã chú trọng chọn bãi, cải tạo nền đáy bãi nuôi, tạo môi trường đáy thuận lợi cho ngao phát triển. Nhiều hộ nuôi thu lãi từ 1 - 2 tỷ đồng/năm.



Hình 2. Diễn biến sản lượng nuôi ngao tại Nam Định (tấn)

Nguồn: *Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Thủy sản Nam Định [2, 3, 4, 5, 6, 7, 8]*

Đối tượng và hình thức nuôi ngao.

Từ năm 1990, do nhu cầu gia tăng về nguồn thực phẩm ngao thịt trong xã hội, nhân dân đã chuyển sang dùng cọc, lưới Polyetylen khoan vây giống ngao tự nhiên, quản lý theo dõi và tiến hành thu hoạch ngao đạt cỡ thương phẩm. Đây là thời điểm sơ khai nghề nuôi ngao được hình thành với quy mô diện tích vây nuôi ban đầu 300ha vào thời điểm này đối tượng nuôi chủ yếu là loài ngao bản địa - ngao đầu (*Meretrix meretrix*). Bắt đầu từ năm 1995 sau khi phát triển diện tích nuôi, nhu cầu con giống gia tăng, người dân mua con giống ngao vân (*Meretrix lusoria*) từ Thanh Hóa và Nghệ An để nuôi thả cùng với giống ngao đầu tại địa phương. Sau năm 2000 do việc nuôi ngao mang lại lợi nhuận cao, diện tích nuôi không ngừng được mở rộng, nguồn giống tự nhiên bị khai thác quá mức dẫn đến thiếu hụt làm cho nguồn lợi ngày một suy giảm. Để đáp ứng nhu cầu con giống cho việc nuôi ngày càng

gia tăng, người dân đã di nhập loài ngao *Meretrix lyrata*, còn gọi là nghêu Bến Tre từ các tỉnh Nam Bộ để nuôi. Hiện nay loài ngao này đã thích nghi với môi trường vùng này, diện tích nuôi không ngừng được mở rộng. Ngao Bến Tre đã nhanh chóng chiếm được ưu thế về số lượng so với đối tượng ngao tại địa phương và trở thành đối tượng nuôi chính tại đây, chiếm đến 85 - 90% sản lượng ngao [2, 3, 4]. Sự phát triển về số lượng của ngao Bến Tre đã lấn át các loài ngao đầu, ngao vân làm thay đổi cấu trúc quần xã sinh vật vùng ven biển, giảm chỉ số đa dạng sinh học, cạnh tranh môi trường sống, làm cho nguồn lợi ngao đầu (*Meretrix meretrix*), ngao vân (*Meretrix lusoria*) có xu hướng ngày càng giảm đi nhanh chóng và trở nên hiếm dần, rất ít bắt gặp trong quần đàn tự nhiên.

Nuôi ngao tại Nam Định cũng như các địa phương khác, vẫn chủ yếu nuôi theo hình thức dùng cọc và lưới quây tại bãi triều, từ năm 2010 xuất hiện

hình thức nuôi mới là nuôi ngao trong ao đất. Tại những ao nuôi tôm trước đây kém hiệu quả, người dân đã ương nuôi ngao giống và ngao thương phẩm, kết quả rất khả quan, mở ra một hình thức nuôi mới. Vì vậy cần có những nghiên cứu để đưa ra các cơ sở khoa học cần thiết cho hình thức nuôi này và áp dụng nhân rộng trong nhân dân.

Tình hình cung cấp con giống

Qua khảo sát tại các địa phương nuôi ngao của tỉnh Nam Định cho thấy nhu cầu giống ngao cho nuôi trồng là rất lớn. Năm 2010 - 2011 ước tính nhu cầu con giống ngao toàn tỉnh khoảng 12 - 15 tỷ ngao cám/năm, ương lên ngao cút (800 - 1.000 con/kg), với số lượng ngao cút khoảng 3.000 tấn/năm. Hiện nay nguồn cung cấp con giống cho nhu cầu nuôi ngao tại Nam Định chủ yếu từ các nguồn sau:

Nguồn giống thu gom tự nhiên. Các vùng nuôi ngao của huyện Giao Thủy, Nghĩa Hưng đều có giống tự nhiên, hiện giống ngao (Bền Tre) chiếm ưu thế về số lượng trong quần đàn, giống ngao đầu, ngao mật chiếm tỷ trọng nhỏ. Tuy nhiên, nguồn giống ngày một suy giảm, và phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, có năm thì sản lượng lớn, có năm sản lượng nhỏ, việc thu gom con giống ở kích cỡ nhỏ (ngao cám - khó nhìn thấy bằng mắt thường ngoài tự nhiên) nên tỷ lệ sống đưa vào ương nuôi thấp, thường chỉ đạt 30 - 40%. Tuy vậy, nguồn cung cấp giống ngao cho nuôi thương phẩm vẫn chủ yếu là từ thu gom giống tự nhiên, chiếm khoảng 65% nhu cầu con giống trong tỉnh [2]

Sản xuất giống tại chỗ. Từ năm 2005 tỉnh Nam Định đã đầu tư nghiên cứu, tiếp nhận công nghệ sản xuất giống ngao, nhưng thực sự nghề sản xuất giống ngao mới bắt đầu từ 2009, song tỷ lệ sống thấp, chưa có nhiều sản phẩm cung cấp cho vùng nuôi. Năm 2011 toàn tỉnh có 4 cơ sở sản xuất giống ngao Bền Tre, cung cấp khoảng 3 tỷ con giống ngao cám, đáp ứng khoảng 15% nhu cầu con giống. Theo định hướng phát triển sản xuất ngao của tỉnh, đến năm 2020 nhu cầu giống ngao cám cần thiết phục vụ cho nhu cầu nuôi từ 20 - 23 tỷ con/năm. Với nhu cầu giống như vậy, lượng ngao giống sản xuất nhân tạo so với hiện tại còn thiếu ước tính là 18 - 20 tỷ con/năm [2, 3].

Nguồn giống nhập từ nơi khác. Trước đây ngao giống ở Nam Định đưa về nuôi thường được nhập về từ các tỉnh phía Nam như Tiền Giang, Bến Tre, nhưng hiện nay nguồn giống nhập về với lượng ít hơn do các tỉnh phía Nam quản lý nguồn giống ngày càng chặt chẽ hơn, hơn nữa ngao giống nhập về ở nhiều nguồn từ thu gom tự nhiên, sản xuất giống,

thời gian vận chuyển dài nên kết quả ương nuôi thấp. Nguồn giống nhập từ nơi khác về cung cấp khoảng 20% nhu cầu con giống trong tỉnh [2, 3, 4].

Đánh giá chung tình hình sản xuất ngao tại Nam Định

Những thuận lợi

Tiềm năng diện tích vùng nước ven biển, vùng bãi triều rộng, ước tính diện tích tiềm năng khoảng trên 10.000ha, trong đó 3.000ha có điều kiện tự nhiên thuận lợi, là môi trường tốt cho phát triển nuôi ngao.

Nhân dân địa phương ven biển có kinh nghiệm trong nuôi ngao, là nguồn nhân lực tốt để hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật cho các hộ khi mở rộng diện tích nuôi ngao. Đã có kết quả bước đầu trong sinh sản nhân tạo ngao giống, nên từng bước chủ động nguồn giống sản xuất tại địa phương.

Ngao là nguồn thực phẩm ưa chuộng trên thế giới và tiêu dùng nội địa ngày một gia tăng, là điều kiện tốt về thị trường tiêu thụ sản phẩm ngao nuôi. Hiệu quả sản xuất ngao đạt cao. UBND huyện Giao Thủy đã uỷ quyền và hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp Cửu Dung xây dựng thương hiệu “Ngao Giao Thủy” và đã được Cục Sở hữu công nghiệp cấp giấy chứng nhận, xuất xứ hàng hóa, mở Website để quảng bá và mở rộng tiêu thụ sản phẩm.

Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ NN&PTNT, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối kết hợp của các sở, ngành với cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy những thuận lợi, từng bước khắc phục khó khăn tạo đà cho phong trào nuôi ngao ngày càng phát triển.

Những tồn tại

Bên cạnh những thuận lợi, nghề nuôi ngao ở đây xuất hiện nhiều yếu tố phát triển không bền vững, đó là:

Nghề nuôi ngao phát triển mang tính tự phát, chưa được đầu tư quy hoạch tổng thể, đồng bộ. Một số vùng nuôi diện tích bãi bồi được khai thác tối đa để nuôi ngao với hệ thống vây dầy đặc, mật độ thả cao, thiếu dinh dưỡng, mất cân bằng sinh thái, dễ phát sinh dịch bệnh, rủi ro cao trong quá trình nuôi.

Nguồn giống hiện nay chủ yếu thu gom tự nhiên và cung ứng từ các tỉnh phía Nam, chiếm 85 -90%, nên bị động, chất lượng con giống khó kiểm soát, chi phí và tỷ lệ hao hụt trong quá trình vận chuyển thường cao. Giống ngao đầu địa phương chưa được chú ý bảo tồn phát triển.

Các khâu liên kết giữa phát triển nguồn giống, nuôi thương phẩm và tổ chức tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ làm cho sản phẩm bị ép cấp, ép giá, quy mô tiêu thụ nhỏ và thị trường bị thu hẹp. Ngao chủ yếu xuất sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch và tiêu thụ nội địa. Một vấn đề bất lợi là Trung Quốc chỉ thu mua ngao từ tháng 8 năm trước đến tháng 2 năm sau, người nuôi phải tận thu để bán nên không còn ngao trường thành bổ sung cho nguồn ngao bố mẹ mùa sinh sản. Thị trường nội địa cũng nhỏ hẹp, sức tiêu thụ thấp nên ảnh hưởng lớn đến tốc độ phát triển.

Sản phẩm ngao thịt chưa có nhà máy chế biến xuất khẩu tại địa phương, tiêu thụ chủ yếu là sản phẩm thô, bán cho nhà máy chế biến thủy sản các tỉnh miền Nam, thị trường tiêu thụ xuất khẩu sang các nước EU phụ thuộc vào doanh nghiệp xuất khẩu các tỉnh phía Nam hoặc xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc, Hồng Kông nên giá trị sản phẩm thấp và chưa mang về nguồn thu ngoại tệ cho tỉnh.

Thời tiết, khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển nuôi ngao.

Phương thức, thời gian và hạn mức cho thuê và mức thu tiền sử dụng đất mặt nước chưa có sự thống nhất.

Cơ sở hạ tầng sản xuất giống thủy sản nước lợ chủ yếu do hộ dân tự bỏ vốn đầu tư xây dựng, chưa được quan tâm hỗ trợ của nhà nước nên số lượng còn ít, số lượng ngao giống sản xuất hàng năm mới đáp ứng được khoảng 10%. Đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng

trong sinh sản nhân tạo giống ngao tại địa phương còn chậm so với yêu cầu của thực tiễn sản xuất.

Năng suất một số hộ nuôi ngao tuy đạt cao do nuôi với mật độ dày, nhưng luôn tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến ngao chết hàng loạt khi gặp điều kiện thời tiết khí hậu bất lợi, làm tổn thất về kinh tế và gây ô nhiễm môi trường.

Nguyên nhân

Các cấp, các ngành tại địa phương còn thiếu các luận cứ khoa học để nhận thấy hết tiềm năng diện tích vùng triều có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nuôi ngao, nên chưa thực sự chú trọng trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, công tác quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch. Đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư khoa học công nghệ, đầu tư vốn và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu để phát triển sản xuất giống, nuôi thương phẩm, bảo vệ môi trường, bảo tồn những loài ngao bản địa, đảm bảo cho việc phát triển bền vững.

Nhận thức của nông, ngư dân vùng ven biển còn hạn chế, mới tập trung vào khai thác tự nhiên mà chưa chú ý đến đầu tư phát triển để nâng cao năng suất, sản lượng theo hướng bền vững. Chưa có chính sách khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển con giống và chế biến xuất khẩu sản phẩm. Nguồn vốn tự có trong nhân dân hạn hẹp, trong khi cơ chế vốn vay còn nhiều bất cập.

Một số định hướng phát triển.

Một số định hướng phát triển sản xuất ngao tại các vùng của tỉnh Nam Định trong những năm tới như sau (bảng 1):

Bảng 1. Định hướng phát triển sản xuất ngao đến năm 2020 tại Nam Định

Địa phương	Năm 2011			Đến 2015			Đến 2020			Tốc độ tăng bình quân (%/năm)	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Nhu cầu giống	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Nhu cầu giống	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Nhu cầu giống	2011-2015	2016-2020
Nghĩa Hưng	210	4.850	1.500	300	5.500	2.000	330	6.450	3.000	2,68	3,45
Giao Thủy	1.498	15.165	10.500	1.498	20.700	15.000	1.600	25.100	20.000	9,78	4,25
Tổng/TB	1.708	20.015	12.000	1.798	26.200	17.000	1.930	31.550	23.000	7,95	4,08

Nguồn: *Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nam Định [2]*

Ghi chú: Nhu cầu giống tính bằng đơn vị triệu con ngao cám.

Với quan điểm phát huy hết tiềm năng lợi thế của địa phương, mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 7,95%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 là 4,08%/năm. Đề nghề nuôi ngao tại Nam Định phát triển bền vững cần triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu:

Tăng cường công tác tuyên truyền, tập trung làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của các cấp, các ngành về lợi thế phát triển kinh tế biển, trong đó phát triển nuôi ngao có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn mới của tỉnh.

Tăng cường đầu tư cho khoa học kỹ thuật đưa ra các luận cứ khoa học nhằm quy hoạch và thực hiện quy hoạch một cách hợp lý. Nghiên cứu phát triển sản xuất giống ngao, tạo ra thể chủ động trong sản xuất. Đầu tư nghiên cứu xây dựng các quy trình kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật vận chuyển, kỹ thuật ương nuôi ngao ở từng giai đoạn (ngao cám, ngao thóc, ngao cúc) phù hợp với điều kiện từng vùng gắn với bảo vệ môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái và đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư nghiên cứu khoa học, hình thành các trạm quan trắc và cảnh báo môi trường tại các vùng trọng điểm, xây dựng mô hình để chuyển một phần diện tích ao nuôi tôm hiệu quả thấp, vùng chuyên đổi trong đề quốc gia có khả năng cải tạo sang ương, nuôi ngao. Hình thành các vùng nuôi tập trung theo quy hoạch, tạo ra sản phẩm hàng hoá phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Từng bước chủ động giải quyết giống nuôi tại địa phương cho nhân dân. Thu hút lao động nông nhân trong nông nghiệp, nông thôn, tăng thu nhập góp phần giữ vững an ninh quốc phòng vùng ven biển tỉnh Nam Định. Hỗ trợ chuyển giao các mô hình tiên tiến về sản xuất giống ngao, nuôi ngao thương phẩm từng bước nâng cao thị phần đáp ứng nhu cầu nuôi ngao, hạ giá thành sản phẩm, giảm thiểu khai thác nguồn giống tự nhiên.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch để sử dụng khôn khéo tài nguyên đất ngập nước, bao gồm quy hoạch tổng thể (cấp tỉnh), quy hoạch chi tiết (cấp huyện, xã). Các quy hoạch được dựa trên các luận cứ khoa học để phân vùng quy hoạch theo chức năng quản lý, sử dụng tài nguyên và theo mục đích sản xuất như: vùng bảo vệ bãi giống, bãi đẻ, vùng đệm phục hồi tài nguyên, vùng bảo tồn ngao dầu và các loài nhuyễn thể bản địa, vùng nuôi ngao thương phẩm, vùng ương nuôi ngao giống, vùng bảo vệ phục hồi thực vật ngập mặn để giảm tốc độ xói lở trên các cồn cát ven biển. Hệ thống sông lạch, lối đi lại và vùng trống trên các bãi triều cũng cần được xem xét tính toán đưa vào quy hoạch để tạo sự thông thoáng các bãi nuôi và dòng chảy được đảm bảo để cung cấp đủ thức ăn tự nhiên cho ngao.

Trên cơ sở quy hoạch cần chú trọng triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng: Xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống ngao, nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi kênh mương tại vùng bãi triều, trong ao đầm nước lợ chuyển sang ương ngao giống, xây dựng các nhà máy chế biến, khu sơ chế, bến bãi đảm bảo cho quá trình vận chuyển.

Củng cố, tăng cường vai trò quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất ngao bằng các công cụ quản lý hiện đại như: Lập bản đồ kỹ thuật số (GIS)

để quản lý tài nguyên ven biển. Xây dựng các quy chế, quy định cụ thể cho các vùng quy hoạch và có các chế tài đủ mạnh để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch, quản lý, khai thác có hiệu quả. Phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước rõ ràng cho các cấp, ngành, có cơ chế hỗ trợ để phát huy tối đa vai trò của các Hội, Tổ, Đội sản xuất đảm bảo có ứng phó, hỗ trợ nhau khi có thiên tai dịch bệnh xảy ra.

Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư tiền vốn, lao động, khoa học công nghệ để sản xuất giống, nuôi thương phẩm, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm đảm bảo khai thác có hiệu quả, bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học vùng bãi triều ven biển.

KẾT LUẬN

Nam Định là tỉnh có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nghề sản xuất ngao. Nghề sản xuất ngao là một hướng phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh.

Hiện trạng phát triển nghề sản xuất ngao tại Nam Định còn mang tính tự phát, thiếu tính bền vững, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế sẵn có.

Trong thời gian tới để nghề sản xuất ngao tại Nam Định phát triển mạnh và bền vững, tỉnh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; Đầu tư hợp lý cho nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; Rà soát, điều chỉnh đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch một cách hợp lý dựa trên các luận cứ khoa học. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước, đổi mới tổ chức sản xuất. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất ngao hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bộ Thủy sản, 2008.* Báo cáo tổng kết ngành thủy sản năm 2007.
2. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2012.* Quy hoạch phát triển Nông lâm nghiệp và muối đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
3. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2011.* Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2010 và phương hướng phát triển 2011.
4. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2011.* Báo cáo Đề án xây dựng hạ tầng vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung.

5. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2010. Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2009 và phương hướng phát triển 2010.*
7. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2009. Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2008 và phương hướng phát triển 2009.*
8. *Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Nam Định, 2008. Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2007 và phương hướng phát triển 2008.*
9. *Sở Thủy sản Nam Định, 2007. Báo cáo tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2006 và phương hướng phát triển 2007.*

both the total area for growing hard clams and the total harvest increased quickly from 700ha and 13,000tons in 2005 to 1,700ha and 20,000tons in 2011 respectively. However, there is an occurrence of several problems leading to an unsustainable culturing operation, including unprompted hard clam aquaculture, lost of comprehensive plans, inappropriate invests for studying scientific techniques, and dependence of natural seed stocks. Additionally, due to ineffective governance and complication in the culturing operation process, hard clam products are mainly soled in gross types with unstable prices.

ABSTRACT

Status and orientation for the development of hard clam cultivation in Nam Dinh province

Nam Dinh province is very potential to develop hard clam cultivation. Recently, it is reported that

In the short term, in order to goal sustainable development of hard clam culture and to harvest 31,550 tons in 2020 with an annual increase of 6%, all problems listed above should be treated completely.

Người nhận xét: TS. Phạm Quốc Hùng